

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 3 - 2018
“V/v Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Mầm

2. Ông: Bùi Hữu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Y** - Sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa Trung, xã Lương Thế Trân, huyện C, tỉnh Cà Mau

2. *Bị đơn:* Ông **Lâm Thành Đ** - Sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa Trung, xã Lương Thế Trân, huyện C, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2017 và các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị Y và ông Lâm Thành Đ kết hôn vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ không chí thú làm ăn để chăm lo cho gia đình mà thường xuyên đi chơi, chị có khuyên ngăn ông Đ nhiều lần nhưng ông Đ không sửa đổi từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị Y xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Thành Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị và ông Đ có với nhau 02 con chung tên là Lâm Thị Ch, sinh năm 1997 và Lâm Phương Qu, sinh ngày

08/7/2007. Hiện nay 02 con đang sống chung với chị và ông Đ, đối với Lâm Thị Ch đã trưởng thành có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; riêng Lâm Phương Qu thì chị Y yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Y không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Y thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nợ riêng: Chị Y trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bị đơn ông **Lâm Thanh Đ** trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Huỳnh Thị Y, anh và chị Y kết hôn vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã. Ông xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên ông Đ đồng ý ly hôn với Y.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng chung sống có 02 con chung như chị Y trình bày, hiện nay 02 con đang sống chung với chị Y và ông, đối với con tên Lâm Thị Ch đã trưởng thành có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Đ đồng ý giao Lâm Phương Qu cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Đ thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nợ riêng: Ông Đ thống nhất vợ chồng không nợ chung và không nợ riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định:

[1] Tòa án triệu tập ông Đ tham gia hòa giải đến lần thứ hai ông Đ có mặt thì ông có ý kiến như sau: Về hôn nhân: Ông Đ đồng ý ly hôn; Về con chung: Ông Đ đồng ý với yêu cầu của chị Y, ông không ý kiến gì; Về tài sản chung: Ông thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận; Về nợ chung và nợ riêng: Không có nên không yêu cầu. Tòa án tiến hành triệu tập ông Đ để xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối ông Đ.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Y và ông Lâm Thanh Đ kết hôn vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Chị Y và ông Đ kết hôn năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của chị và ông Đ không được pháp luật thừa nhận theo quy định

tại khoản 1 điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của chị Y và ông Đ là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Y và ông Đ thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Lâm Thị Ch, sinh năm 1997 và Lâm Phương Qu, sinh ngày 08/7/2007. Chị Y và ông Đ thỏa thuận như sau: Chị Y tiếp tục Lâm Phương Qu, sinh ngày 08/7/2007, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc chị Y và ông Đ thỏa thuận nuôi cháu Lâm Phương Qu là tự nguyện, phù hợp pháp luật, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Qu được thể hiện tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện C vào ngày 16/01/2018 của cháu Qu được sống với chị Y nên Hội đồng xét xử công nhận. Đối với cháu Lâm Thị Ch, sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Y và ông Đ thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về nợ chung, nợ riêng*: Chị Y và ông Đ trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Buộc chị Y phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của chị Huỳnh Thị Y và ông Lâm Thành Đ là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị Y được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên là Lâm Phương Qu, sinh ngày 08/7/2007. Ông Lâm Thành Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng Lâm Thị Ch đã trưởng thành nên không xem xét.

Ông Lâm Thành Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Y phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng

theo biên lai thu tiền số 0003998 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính